

Hùng Vương: Huyền Thoại Và Thực Tế

Từ nghìn xưa, các vua Hùng được người Việt ta tôn thờ làm quốc tổ đã lập ra nước Văn Lang của tộc Lạc Việt, tồn tại và mở mang cho đến ngày nay.

Từ xưa, thời vua Hùng dựng nước không có ghi chép trong sử liệu mà chỉ có văn chương truyền khẩu cùng các huyền thoại của dân tộc ta. Các huyền thoại, chuyện truyền kỳ là phương tiện phổ biến ở thời kỳ sơ khai của mọi dân tộc. Sử thời thượng cổ của tộc Việt được mở đầu bằng họ Hồng Bàng, Lạc Long Quân với 18 đời Hùng Vương và các huyền thoại được chép trong sách “Lĩnh Nam Trích Quái”.....

Sách Thái Bình Quảng Ký soạn ra năm 978 vào thời Bắc Tống có thể là một thư tịch cổ Trung Hoa, còn lại đến ngày nay đã nhắc sớm nhất đến Giao Chỉ thời Hùng Vương. Phần Nam Việt Chí của sách này chép như sau: Đất Giao Chỉ màu mỡ, đời dân đến đây ở. Bắt đầu biết gieo trồng. Đất ấy đen xộp, khí đất hùng mạnh, nên nay gọi ruộng ấy là hùng điền, dân ấy là hùng dân. Có quân trưởng gọi là hùng vương, có phụ tá gọi là hùng hầu, phân chia đất cho hùng tướng.

Thủy Kinh Chú của Lịch Đạo Nguyên (466 -527) vào thời Bắc Ngụy, kể đầu tiên tên Lạc Vương tại Giao Chỉ trong khảo cứu tường tận của các dòng sông, và việc thành lập các châu quận cùng lịch sử của các thành trì Trung Quốc. Sách này từ phần sông Giang trở xuống có liên quan đến địa lý và lịch sử Việt Nam.

Phần viết về Giao Châu Ngoại Vực Ký chép : đất Giao Chỉ ngày xưa, lúc chưa có quận huyện, ruộng đất có lạc điền, ruộng ấy theo nước thủy triều lên xuống mà làm, dân trồng trọt ở các đám ruộng ấy để hưởng hoa lợi, vì vậy có tên là Lạc dân, đặt ra Lạc vương, Lạc hầu để trông coi các quận huyện. Ở huyện phần nhiều là chức Lạc tướng. Lạc tướng có ấn đồng dây thao xanh.

Đoạn này nhắc đến lạc điền , lạc dân , lạc vương lạc hầu lạc tướng , nhưng lại không nhắc đến Hùng Vương. Từ lạc trong Giao Châu Ngoại Vực Ký chỉ là một cái tên, như hiện nay ở Trung Hoa vẫn còn tên sông Lạc.

Nam Việt Chí viết ở thế kỷ thứ V, sau khoảng 2 thế kỷ thế đã dựa vào Giao Châu Ngoại Vực Ký, rồi biến lạc điền thành hùng điền, lạc dân thành hùng dân, lạc vương, lạc hầu, lạc tướng thành hùng vương, hùng hầu, hùng tướng. Và từ đây tên Hùng Vương ra đời. Các bộ sử của ta đã trích dẫn nhiều về Giao Châu Ngoại Vực Ký soạn ra ở thế kỷ thứ III hoặc IV, nay đã thất truyền.

Về nước Nam ta, khuynh hướng tìm về cội nguồn dân tộc đã phát sinh từ thời Lý - Trần. Bấy giờ đã có các tập ghi chép truyền thuyết, thần thoại về thời các vua Hùng dựng nước. Lĩnh Nam chích quái (Chọn lựa những chuyện quái dị ở đất Lĩnh Nam) do Trần Thế Pháp (thế kỷ XIV ?) soạn, là một tập hợp các truyền thuyết và cổ tích dân gian Việt Nam được biên soạn vào khoảng cuối đời nhà Trần, sau đó Vũ Quỳnh (1452 - 1516), Kiều Phú (1447 - ?) thời Lê sơ nhuận sắc, có các thần thoại thời thái cổ như truyện họ Hồng Bàng, truyện Tản Viên, truyện Đông Thiên Vương...

Sách Đại Việt Sử Lược soạn vào cuối thế kỷ XIV viết: Xưa, Hoàng Đế dựng nên muôn nước, thấy Giao Chỉ xa xôi, ở ngoài cõi Bách Việt, không thể thống thuộc được, bèn phân giới hạn ở góc tây nam, có 15 bộ lạc là: 1) Giao Chỉ, 2) Việt Thường Thị, 3) Vũ Ninh, 4) Quân Ninh, 5) Gia Ninh, 6) Ninh Hải, 7) Lục Hải, 8) Thanh Tuyền, 9) Tân Xương, 10) Bình Văn, 11) Văn Lang, 12) Cửu Châu, 13) Nhật Nam, 14) Hoài Nam, 15) Cửu Đức . Những bộ lạc này đều không thấy đề cập đến trong

thiên Vũ công . Đến đời Thành Vương nhà Chu Việt Thường Thị mới đem dâng chim bạch trĩ, sách Xuân Thu gọi là khuyết địa , sách Đái ký gọi là Điều đề. Đến đời Trang Vương nhà Chu (696-682 TCN) ở bộ Gia Ninh có người lạ, dùng ảo thuật qui phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương đóng đô ở Văn Lang, đặt quốc hiệu là Văn Lang, phong tục thuần lương chơn chất, chính sự dùng lối thắt gút. Truyền được 18 đời đều xưng là Hùng Vương .

Vậy đất Giao Chỉ và đất Việt Thường có phải là đất của Hùng Vương lúc bấy giờ không?

Không biết tác giả Đại Việt sử lược căn cứ vào đâu để viết như vậy, nhưng lúc nhà nước Văn Lang thành hình vào khoảng thế kỷ VII TCN, tương ứng với giai đoạn Đông Sơn là phù hợp với những kết quả nghiên cứu hiện nay, và con số 18 vua Hùng cai trị trong khoảng 300 – 400 năm được nhiều người chấp nhận hơn, cho dù không thể khẳng định được rằng nước Văn Lang thực sự có đúng 18 đời vua Hùng.

Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt Sử ký viết về Hồng Bàng thị ,có thể đã tập hợp các huyền thoại về quốc tổ với các truyền thuyết dân gian.

Dựa vào các sử sách cổ, sử gia Trần Trọng Kim viết về thời thượng cổ này như sau:

Cứ theo tục truyền rằng vua Đế Minh (cháu 3 đời vua Thần Nông) đi tuần thú phương nam đến núi Ngũ Lĩnh (nay thuộc Hồ Nam, Trung Quốc) lấy một nàng Tiên đẻ ra con thứ là Lộc Tục.

Sau đó Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc và phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam. Lộc Tục xưng là Kinh Dương Vương và đặt tên nước của mình là Xích Quỷ. Bờ cõi nước Xích Quỷ bấy giờ gồm có: Phía Bắc giáp Động Đình Hồ (bắc Hồ Nam), tức là nam của sông Trường Giang (sông Dương Tử). Phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành). Phía Tây giáp Ba Thục (nay là Tứ Xuyên). Phía Đông giáp biển Nam Hải, gồm có cả hai châu Kinh và Dương (sau này là hai châu chính của nước Sở (1122 -221 TCN).Dân đất Kinh phần đông thuộc tộc Âu (chủng Thái). Đất Dương đông dân thuộc tộc Lạc (chủng Việt).

Kinh Dương Vương có thể không phải là tên hiệu một vị vua, mà là để gọi vị vua cai quản hai đất Kinh và đất Dương của người Việt thượng cổ. Theo Kinh Thư của Khổng tử thì: châu Dương gồm vùng châu thổ sông Hoài và phần châu thổ hạ lưu Trường giang (Dương Tử) và châu Kinh gồm vùng châu thổ các sông Hán (Hán thùy), Đà, Tiêm và phần châu thổ trung lưu Trường giang

Kinh Dương Vương Lộc Tục làm vua nước Xích Quỷ vào khoảng năm Nhâm tuất (2879 TCN). Kinh Dương Vương lấy con gái Động Đình Quân là Long Nữ đẻ ra Sùng Lãm. Sùng Lãm nối ngôi làm vua nước Xích Quỷ xưng là Lạc Long Quân. (Nước Xích Quỷ) Lạc Long Quân (Sùng Lãm) lấy con gái Đế Lai là Âu Cơ đẻ ra 100 con trai. Có sách chép là Âu Cơ đẻ ra 100 trứng rồi nở ra 100 con trai. Lạc Long Quân nói với Âu Cơ rằng: “Ta là dòng dõi Long quân còn Nàng là dòng dõi Thần Tiên ăn ở với nhau lâu không được, nay có được 100 đứa con trai thì nhà người đem 50 đứa lên núi còn ta đem 50 đứa xuống bể Nam Hải”.

Gốc tích này có lẽ là từ Lạc Long Quân về sau nước Xích Quỷ chia ra những đất nước gọi là Bách Việt. Bởi vậy ngày nay đất Hồ Quảng (Hồ Nam, Quảng Đông và Quảng Tây) còn xưng là đất Bách Việt. Đây cũng là một điều nói phỏng chứ không có lấy gì làm đích xác được.

Nước Văn Lang Lạc Long Quân phong cho người con trưởng làm vua nước Văn Lang xưng là Hùng Vương họ là Hồng Bàng.

Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu (huyện Bạch Hạc, Vĩnh Yên); đặt tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng, con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là My Nương, các quan nhỏ gọi là Bô Chính. Quyền chính trị thì cứ cha truyền con nối gọi là Phụ đạo. Lãnh thổ có 15 Bộ gồm bao gồm cả Miền Bắc Việt Nam và bắc Trung Kỳ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị) ngày nay. 15 Bộ gồm có: Văn Lang ;Châu Diên và Phúc Lộc; Tân Hưng ; Vũ Định ; Vũ Ninh ; Lục Hải ;Ninh Hải ;Dương Tuyền ; Giao Chỉ ;Cửu Chân ;Hoài Hoan ; Cửu Đức ; Bình Văn ;Việt Thường. Các Vua sau đều gọi là Hùng Vương.

Nước Văn Lang được lập thành quốc gia đầu tiên của Việt Nam, còn rất thô thiển nhưng đã có tổ chức thành hệ thống cai trị.

Họ Hồng Bàng làm vua được 18 đời, đến năm Quý mao (258 TCN) thì bị nhà Thục lấy mất nước. Xét từ đời Kinh Dương Vương (2879 TCN) đến hết đời Hùng Vương thứ 18 (258 TCN) có 18 đời vua trong vòng 2622 năm. Trung bình mỗi vị vua trị vì được khoảng 150 năm! Dẫu là người Thượng cổ nữa, thì cũng khó lòng sống lâu được như vậy. Xem thế thì đủ biết truyện đời Hồng Bàng không chắc là truyện xác thực.

Sử gia Ngô Thì Sĩ viết trong Việt sử tiêu án: “Người ta không phải là vàng đá, sao lại sống lâu được như thế ? Điều ấy càng không thể hiểu được” .

Xem thế thì các truyền thuyết này không phù hợp với khoa lão học ngày nay vì bà Jeanne Calmant là người Pháp có tuổi thọ dài nhất thế giới chỉ sống đến 122 tuổi mà thôi. Tuy nhiên mỗi dân tộc cần có huyền thoại về nguồn gốc để có niềm tự hào của họ như người Nhật bản là con cháu của Thái dương thần nữ, người Trung hoa là con cháu của Bàn Cổ, Tam Hoàng Ngũ Đế, người Pháp là con cháu của Gaulois...

Như vậy chỉ có 18 đời vua mà cai trị 2.622 năm thì là một nghi vấn lớn, tuy nhiên trong bản Ngọc phả Hùng Vương được soạn năm Thiên Phúc nguyên niên (980) đời vua Lê Đại Hành nhà Tiền Lê thì không phải là 18 đời vua Hùng mà là 18 ngành, tổng cộng 180 đời vua: “Dĩ thượng Hùng đồ thập bát diệp, tỷ phú truyền cơ thái bảo, nhất bách thập bát đại đế vương tôn vị nhất thống sơn hà”, (Mười tám ngành nhà Hùng, ngọc tỷ và ấn tín truyền quyền đại bảo trong khoảng 180 đời nhường ngôi đế vương, một mối non sông xa thứ trị nước).

Nhiều tác phẩm khác như Tân đính Lĩnh Nam chích quái của nhà sử học thời Hậu Lê là Vũ Quỳnh cũng viết là 18 ngành vua Hùng. Trong Ngọc phả Hùng Vương thì chữ *đời* phải hiểu là chữ *thế* trong Hán tự có nghĩa là không phải một đời người mà là *một dòng gồm nhiều đời*. Hiện ở đình Tây Đằng, huyện Ba Vì, Hà Nội, còn bài vị “Tam Vị Quốc Chúa” thờ 3 vị vua cuối cùng thuộc thế/chi/ngành Hùng Vương thứ 18.

Chung quanh vấn đề này, hiện nay có nhiều ý kiến khác nhau, ý kiến cho rằng với người Việt số 9 là con số thiêng nên các bội số của nó như số 18 cũng thiêng tương tự như vậy, do đó con số 18 đời Hùng Vương chỉ là con số tượng trưng mà thôi...

Như vậy con số 18 không phải là 18 đời vua Hùng mà là 18 ngành, mỗi ngành gồm nhiều đời vua mang chung vương hiệu, khi hết một ngành mới đặt vương hiệu mới. Bên cạnh đó thời gian trị vì cũng như tuổi thọ của một vị vua có thể hiểu là

tuổi của nhiều đời vua và số năm trị vì của nhiều đời vua thuộc một ngành cộng lại vì thế thời gian trị vì hơn 2.622 năm của các vua Hùng không có gì là hoang đường cả.

Bản Thần tích xã Vi Cương (Phú Thọ) ghi chép khá rõ về các đời vua với những thông tin liên quan, theo đó 18 ngành vua Hùng có tất cả 180 đời vua nối nhau trị vì: “Tính trong 18 chi đời vua Hùng truyền ngôi đại bảo cho 180 đời đế vương, sơn hà quy về một mối, kiến lập được 122 thành điện. Tổng cộng các năm của 18 đời Thánh vương di truyền ngôi cho các triều thánh tử thần tôn là 2.622 năm, thọ 8.678 tuổi, sinh được 986 chi, các hoàng tử công chúa sinh được 14.378 cháu chắt miêu duệ, cai trị khắp đầu non góc biển trong nước, vạn cổ trường tồn, mãi mãi không bao giờ dứt”.

Bác sĩ Trần Đại Sĩ, sau chuyển công tác y học ở nam Trung Hoa 1980, đã viết trên “Việt Nam đệ ngũ thiên niên kỷ” như sau: Hiện nay ở tả ngạn sông Tương Giang, trong dãy núi Quế Dương có một ngọn núi cao 179m mang tên là Thiên Đài Sơn, đỉnh tròn, sườn núi thoai thoải, có đường đi lên. Trên đỉnh có một ngôi miếu hoang phế, rêu phong, không người ở. Có một tấm bia cổ khắc chuyện vua Đế Minh phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương và đặt tên nước là Xích Quỷ tại đây. Tại Thư Viện Hồ Nam, ông đã tìm được một tài liệu rất cũ, ghi là Thiên Đài di sự lục do tiến sĩ Chu Minh Văn soạn, niên hiệu vua Đường Thái Tông năm 627. Sách được chép lại vào đời Thanh Khang Hy, nhắc lại việc vua Đế Minh đi tuần thú phương Nam, kết hôn với nàng tiên sinh ra Lộc Tục.

Thái tử Lộc Tục lên ngôi hiệu là Kinh Dương (năm Nhâm Tuất 2789 TCN) mà người Việt lấy làm kỷ nguyên lập quốc. Đến năm 1991 khi ông đến đền này là 4870 năm vì vậy người Việt tự hào rằng đã có năm nghìn năm văn hiến.

Kinh Dương đặt tên nước là Xích Quỷ, đóng đô ở Phong Châu nay là Phú Thọ. Vua Kinh Dương lấy con gái vua Động Đình là Long Nữ đẻ ra thái tử Sùng Lãm. Sùng Lãm lên ngôi hiệu là Lạc Long Quân, đổi tên nước là Văn Lang. Nước Văn Lang Bắc tới Hồ động Đình, Nam giáp nước Hồ Tôn, Tây giáp Ba Thục, Đông giáp biển Đông Hải trong huyền thoại Việt Nam là có thật.

Miếu thờ hai vua Đế Minh và Kinh Dương, tổ tông Việt tộc còn đây, hoang tàn đổ nát, không người phụng thờ hương lửa.

Sách Hùng vương ngọc phả (Bản Hồng Đức nguyên niên) có ghi: Cháu ba đời của vua Viêm Đế là Đế Minh sinh Đế Nghi rồi đi tuần du phương nam, đến núi Ngũ Lĩnh (giới hạn ở động Bạch Hồ tỉnh Vân Nam - xưa gọi là động Xích Quỷ, nguyên thuộc nước ta gọi là quận Giao Chỉ. Động Xích Quỷ sau gọi là nước Xích Quỷ, nay là nước An Nam) thì gặp nàng Vụ Tiên thần nữ, sinh ra Kinh Dương vương.

Kinh Dương Vương: Vua thông minh thánh trí, vượt trội hơn tầm của Đế Nghi. Đế Minh muốn truyền ngôi báu để làm chính thống cho muôn nước. Nhưng Kinh Dương vương cố nhường cho anh. Thế là Đế Minh lập Đế Nghi nối ngôi, cai trị phương Bắc, phong cho Kinh Dương vương quay mặt về phương nam mà cai trị thiên hạ, gọi tên là nước Xích Quỷ. Kinh Dương vương kính tuân chỉ dụ của vua cha, đem quân lính theo núi Nam Miên mà đi về phía nam. Trên đường ngắm xem phong thủy, chọn nơi hình thế thẳng địa để đóng đô ấp [tức quốc đô]. Qua đất Hoan Châu (nay đổi là xứ Nghệ An. Nơi đó là các xã Nội Thiên Lộc, Tả Thiên Lộc, Tỉnh Thạch thuộc huyện Thiên Lộc phủ Đức Quang) vua chọn được một vùng phong cảnh tươi đẹp,

[núi non] muôn nghìn lâu đài, gọi là núi Hùng Bảo Thứu Lĩnh, tất cả có 199 ngọn. (Cựu Đô, nay là Ngàn Hống).

Vùng này giáp biển ở cửa Hội Thốn, đường núi quanh co, đường sông uốn khúc, địa thế rộng cuộn hồ ngòi, bốn hướng cùng trông, bèn xây dựng đô thành để định nơi cho bốn phương triều cống. Bấy giờ khí xuân ấm áp, vô vàn cảnh sắc. Vua Kinh Dương bản tính thích phong thủy bèn lên thuyền ngự tuần du hải ngoại. Vua trải xem địa đồ, bất giác thấy thuyền rồng đã thẳng đến hồ Động Đình.

Nhà vua kết hôn với Thần Long, là con gái vua Động Đình, lập Chính điện ở núi Nghĩa Lĩnh để thỉnh thoảng ngự giá đến nghỉ. Bên ngoài lại dựng đô thành Phong Châu (nay là Cựu đô thành, Việt Trì, Bạch Hạc), đặt quốc hiệu là nước Văn Lang (Đông giáp Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc đến Động Đình hồ, nam tiếp nước Hồ Tôn (nay là nước Chiêm Thành), sau đó sinh ra Lạc Long quân.

Lạc Long Quân húy Sùng Lãm, ở ngôi 400 năm, thọ 420 tuổi, sinh một bọc trăm trứng, an lành nở ra 100 con trai. Vương định 100 họ, đặt 100 tên, xưng 100 hiệu, làm 100 vị thần, mỗi vị chiếm cứ một khu, đều xưng là Thủy tổ của Bách Việt, rất mực linh thiêng. Vua cha là Long Quân hoá sinh bất diệt, trở về biển thành Tiên, là Động Đình đế quân.

Long quân bẩm sinh tư chất phi thường, tự có khí tượng đế vương, bèn được lập làm Hoàng thái tử. Bấy giờ có con gái của Đế Lai tên là Âu Cơ về sống ở quê mẹ tại động Lăng Sương huyện Thanh Nguyên châu Đà Bắc (nay đổi làm sách Lăng Sương huyện Bất Bạt). Một hôm Âu Cơ đi chơi ở châu Trường Sa, gặp khi vua đi tuần thú ở Đà Giang. Vua thấy Âu Cơ dung nhan xinh đẹp, rất vừa ý, bèn lấy làm vợ, lập làm Hoàng phi. Thế rồi Kinh Dương vương sai Lạc Long quân ra ở tại đô thành núi Nghĩa Lĩnh tại Phong Châu thay vua cha làm việc nước. Kinh Dương vương ở ngôi 215 năm, thọ 260 tuổi. Lạc Long nhiếp chính. Long Quân lên nối ngôi, đổi hiệu là Hùng Hiền vương.

Ngày nay, sử gia theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư còn chép thêm rằng: Kinh Dương Vương sinh năm 2919 TCN, chết năm 2792 TCN và lên ngôi vào năm 2879 TCN. Các vua Hùng Vương bắt đầu từ Kinh Dương Vương là Hùng Vương thứ I (từ năm 1879 TCN) rồi đến Lạc Long Quân là Hùng Vương thứ II có Miếu hiệu là Hùng Hiền Vương. 15 Hùng Vương tiếp theo (Hùng Vương thứ III tới Hùng Vương thứ XVII) đều có Miếu hiệu nhưng không có niên biểu. Riêng Kinh Dương Vương thọ 127 tuổi. Hùng Vương thứ XVIII từ chối không gả con gái cho Thục Vương. Năm 258 TCN, cháu vua là An Dương Vương Thục Phán nối ngôi, đánh bại vua Hùng Vương thứ 18, rồi lập ra nước Âu Lạc (257 TCN) đóng đô ở Phong Khê (nay thuộc Phúc Yên). Nhờ thần Kim Quy, vua cho xây thành Cổ Loa hình xoáy như trôn ốc (gọi là Loa Thành). Thần Kim Quy còn cho vua một móng chân làm thành một cái nõ thần, bắn một phát giết hàng vạn người.

Theo Đại Việt Sử ký toàn thư bia ở lăng Kinh Dương Vương có khắc như sau: Kinh Dương Vương tên húy là Lộc Tục, là bậc thánh trí có tư chất thông minh, tài đức hơn người, tinh thần đoan chính, sức khoẻ phi thường. Kinh Dương Vương hình thành nhà nước sơ khai đầu tiên vào năm Nhâm Tuất (2879 TCN) đặt quốc hiệu là Xích Quỷ (tên một vì sao sắc đỏ rực rỡ, sáng nhất trong 28 vì sao của dải ngân hà) đóng đô ở Hồng Lĩnh (nay là Ngàn Hống, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh). Sau đó dời đô ra Ao Việt (Việt Trì). Bờ cõi đất nước được xác định. Phía Bắc giáp Động Đình Hồ, phía

Tây giáp Ba Thục (Trung Quốc), phía Nam giáp Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Đông giáp biển Nam Hải. Kinh Dương Vương lấy thần Long Nữ sinh ra Lạc Long Quân (tên huý là Sùng Lãm). Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai là bà Âu Cơ sinh ra 100 con trai. Con cả là Hùng Quốc Vương (Hùng Đoàn) hiện đền thờ tại đền Hùng, Phú Thọ.

Cụm di tích lăng và đền thờ Kinh Dương Vương ở làng An Lữ, xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh là chốn linh thiêng bậc nhất được xếp vào loại miếu thờ đế vương các triều đại từ cổ xưa. Đây là nơi duy nhất ở Việt Nam dựng lên để tưởng nhớ Thủy tổ người Việt là Kinh Dương Vương. Phía trước phần mộ Kinh Dương Vương cổ có hai chữ Bất Vong, nghĩa là không bao giờ bị lưu lạc. Phía dưới hàng ngang có 5 chữ: "Ái Quốc Mạc Vong Tổ". Phía hậu lăng là bức Nam Tổ Miếu. Hai bên lăng có đôi câu đối ghi: "Quốc Thống Khai Nam Phục/ Bi Đình Kỷ Thành Công". Giữa lăng là bia đá khắc 3 chữ Kinh Dương Vương đã được vua Minh Mạng năm thứ 21 trùng tu lần cuối cùng vào năm 1840. Phía bên ngoài lăng có đôi câu đối: "Xích Quỷ sơ đồ xuất/ Hồng bàng vạn đại sùng". Các nhà khảo cổ và văn hóa khi về đây nghiên cứu sắc phong và phần mộ cổ đều công nhận: "Đây là chốn linh thiêng bậc nhất được xếp vào loại miếu thờ đế vương các triều đại cổ xưa".

Về họ Hồng Bàng Trần Thế Pháp viết trong Lĩnh Nam Chích Quái : “Cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông tên là Đế Minh, sinh ra Đế Nghi, rồi đi nam tuần đến Ngũ Lĩnh, gặp được nàng con gái Vụ Tiên đem lòng yêu mến mới cưới đem về, sinh ra Lộc Tục, dung mạo đoan chính, thông minh túc thành; Đế Minh lấy làm lạ, cho nối ngôi vua; Lộc Tục cố nhường cho anh. Đế Minh lập Đế Nghi làm tự quân cai trị phương Bắc, phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam, đặt quốc hiệu là Xích Quỷ Quốc.”

Nguồn gốc của tộc Việt là họ Hồng Bàng, có vị Tổ đầu tiên là Viêm Đế Thần Nông cai quản cả hai vùng Bắc Đông Á và Nam Đông Á. Đây cũng chính là hai vùng đất mà người cổ có nguồn gốc Đông Nam Á di cư tới và định cư theo các nghiên cứu di truyền ngày nay. Hai nhóm Bắc Đông Á và Nam Đông Á cũng thể hiện sự liên hệ với nhau qua các nghiên cứu khảo cổ. Nghiên cứu di truyền cũng đã thể hiện một dòng di cư lên Bắc Đông Á của người Động Đình, Dương Tử trong giai đoạn tiền Thần Nông. Hậu duệ 3 đời của Viêm Đế Thần Nông là Đế Minh, Đế Minh cũng cai quản cả hai vùng Bắc Đông Á và Nam Đông Á như Viêm Đế, Đế Minh sinh ra Đế Nghi, đến Ngũ Lĩnh gặp được nàng Vụ Tiên, sinh ra Lộc Tục. Đế Minh muốn truyền ngôi cho Lộc Tục, nhưng Lộc Tục cố nhường cho Đế Nghi, nên ông đã chia đất nước thành hai phần, phần phía Bắc chia cho Đế Nghi, còn phần phía Nam chia cho Lộc Tục. Lộc Tục lên ngôi tại vùng Dương Tử, lấy hiệu Kinh Dương Vương, đặt quốc hiệu là Xích Quỷ.

Địa giới ngăn cách vùng Bắc Đông Á và Nam Đông Á với nhau không phải sông Dương Tử, mà là dãy núi Tần Lĩnh và sông Hoài, đây cũng là ranh giới phân chia Bắc Đông Á và Nam Đông Á từ cổ đại cho tới hiện đại, các văn hóa của tộc Việt ở vùng Nam Đông Á cũng vượt qua cả sông Dương Tử, tại phía Nam dãy Tần Lĩnh, chứ không chỉ ở vùng phía Nam Dương Tử. Như vậy *Ngũ Lĩnh* được ghi lại trong truyện, có thể là để chỉ dãy núi này, chứ không phải dãy Ngũ Lĩnh ở vùng phía Nam, do ở vùng phía Nam không có di tích gì cùng thời kỳ thể hiện các chi tiết trong truyền thuyết này.

Kinh Dương Vương lập nước Xích Quỷ, với địa giới bao gồm hai vùng Động Đình và Dương Tử. Bản thân cái tên Kinh Dương Vương đã thể hiện ý nghĩa của sự làm chủ này, nó có nghĩa là vua của hai vùng châu Kinh và châu Dương, hai vùng này tương ứng với các văn hóa Thạch Gia Hà tại vùng Động Đình và văn hóa Lương Chử tại vùng hạ lưu Dương Tử. Chữ Kinh và Dương trong Kinh Dương Vương có thể được dùng để chỉ vua của hai vùng châu Kinh và châu Dương .

“Đế Nghi truyền ngôi cho Đế Lai cai trị phương Bắc; nhân khi thiên hạ vô sự, sức nhớ đến chuyện ông nội là Đế Minh nam tuần gặp được tiên nữ, Đế Lai bèn khiến Xi Vưu tác chủ quốc sự mà nam tuần qua nước Xích Quỷ, thấy Long Quân đã về Thủy phủ, trong nước không vua, mới lưu ái thê là Âu Cơ cùng với bộ chúng thị thiếp ở lại hành tại.”

Đế Lai sau đó đã tuần thú phương Nam, đem theo Âu Cơ, đây là chi tiết tượng trưng cho sự di cư về vùng Động Đình, Dương Tử của người tiền Việt Bắc Đông Á. Tại vùng Động Đình, Dương Tử này, các cư dân tộc Việt đã thành hình với sự hợp nhất của hai nhóm dân hậu duệ của Viêm Đế Thần Nông, họ xây dựng nên các văn hóa lớn là Lương Chử, Thạch Gia Hà. Tại các văn hóa này, các nhà nghiên cứu đã chứng minh về sự tồn tại của một nước phát triển.

Tại vùng văn hóa Lương Chử ở hạ lưu sông Dương Tử, các nhà khảo cổ thế giới đã chứng minh là nơi có thể có nhà nước sớm nhất ở Đông Á, có xã hội phân tầng phức tạp với ít nhất 4 tầng lớp có hệ thống thủy lợi sớm nhất thế giới với hệ thống đập, đê, mương dẫn nước, cung điện. Cùng với đó là một hệ thống ký hiệu phức tạp và một số đã trở thành chữ viết dù công việc khảo cổ mới thực hiện được khoảng 10%.

Cũng ở vùng này có thể là kinh đô nước Xích Quỷ của Kinh Dương Vương, xét về thời điểm thành lập quốc gia Xích Quỷ của Kinh Dương Vương vào khoảng 4879 năm cách nay, còn niên đại của văn hóa Lương Chử là vào khoảng 5400 -4250 cách nay. Mốc niên đại này phù hợp với lúc thành lập của quốc gia Xích Quỷ. Sau đó, thì trung tâm của Tộc Việt được chuyển về vùng Động Đình, với văn hóa Thạch Gia Hà, nơi đây cũng chính là nơi là Kinh Dương Vương đã gặp Long Nữ, con gái vua Động Đình, sinh ra Sùng Lãm. Thời điểm của văn hóa Thạch Gia Hà tương ứng với nước Văn Lang của Lạc Long Quân, thành lập sau nước Xích Quỷ một thời gian ngắn. Mốc niên đại của văn hóa Thạch Gia Hà vào khoảng 4500-4000 cách ngày nay, phù hợp với sự phát triển ghi lại trong huyền sử Việt.

Gần đây, còn nhiều chi tiết trong huyền sử Hồng Bàng đã gây ra nhiều tranh luận, nhiều nhà nghiên cứu đã dựa vào những chi tiết phi thực tế để đánh giá huyền sử Hồng Bàng. Những huyền sử được ghi lại dưới dạng truyền thuyết đã được chứng minh tính thực tế bởi di truyền và khảo cổ học

Khảo cổ học gần đây đã chứng minh rõ ràng là xã hội thời kỳ văn hóa Phùng Nguyên còn là nguyên thủy, chưa có giai cấp và chưa có nhà nước, thì cũng chưa có lịch sử. Như thế nước Văn Lang ra đời muộn hơn nhiều trong khoảng 4000-3500 năm cách nay.

Thời hiện đại, một số học giả ngoại quốc đã nghiên cứu về thời đại Hùng Vương. Có thể kể Keith Taylor và Fedorin. Trong The Birth of Vietnam, Taylor đã tham khảo khá nhiều các tác giả hiện đại Việt Nam viết về văn hóa Đông Sơn, nền văn hóa của thời đại Hùng Vương như sử gia Trần Quốc Vượng, Hoàng Xuân Chinh

và Bùi Văn Tiến, Nguyễn Phúc Long, Nguyễn Duy Ty, Hoàng Thị Châu, Đinh Văn Nhật, Hà Văn Tấn, Đào Duy Anh...; tài liệu của Viện Sử học Việt Nam và của các tác giả nước ngoài, trong đó có Maspero và Arousseau. Trong công trình thứ hai về thông sử Việt Nam A History of the Vietnamese, Taylor chủ yếu dùng các sử liệu khảo cổ học của nước ngoài, đặc biệt là của Trung Quốc khi viết về thời kỳ Hùng Vương.

Vì vậy muốn tìm hiểu hiện thực về thời Hùng Vương thì cần phải nghiên cứu nền văn hóa Đông Sơn đã sinh ra một thời dựng nước.

Từ năm 1971, các nhà khảo cổ đã khai quật nhiều di chỉ thuộc văn hóa Đông Sơn hoặc văn hóa Phùng Nguyên. Thời đại Hùng Vương được biết đến bởi các di chứng vật chất từ đầu thời đại đồ đồng đến đầu thời đại đồ sắt, cách đây khoảng 4.000 - 2.000 năm. Những cổ vật được tìm thấy ở thời Hùng Vương, gồm có dao, đồ làm nông và thùng chứa bằng đồng.. Các nhà khoa học phân lập thành các nền văn hóa khảo cổ thuộc thời đại Hùng Vương gồm văn hóa Phùng Nguyên, văn hóa Đồng Đậu, văn hóa Gò Mun và văn hóa Đông Sơn.. Các kết quả nghiên cứu, đã khẳng định, về kinh tế, sự ra đời và phát triển của nền nông nghiệp lúa nước dùng các công cụ như cày, bừa, dùng trâu bò làm sức kéo có thể coi là một cuộc cách mạng trong nông nghiệp ở nước ta thời dựng nước. Bên cạnh việc trồng lúa và hoa màu, nghề chăn nuôi, nghề làm đồ gốm, luyện kim và đã phát hiện được dấu vết của một số trung tâm đúc đồng và lò luyện quặng để lấy sắt...

Các nhà khảo cổ Việt Nam, cho rằng thời Hùng Vương chỉ bắt đầu từ khoảng 700 năm TCN, khởi nguồn của văn hóa Đông Sơn, theo như Việt Sử Lược đã ghi. Dấu tích tìm được cho thấy, thế kỷ III-I TCN là thời kỳ văn hóa Đông Sơn phát triển rực rỡ nhất.

Các kết quả của khảo cổ học đã khẳng định, chính nền văn hóa Đông Sơn là căn bản vật chất để lập ra nước Văn Lang.

Nước Văn Lang đã biết nông nghiệp lúa nước theo “Ruộng lạc, theo nước thủy triều lên xuống mà làm”, chứng tỏ rằng người Việt cổ đã có được kỹ thuật làm ruộng nước ở ven sông, ven biển, tránh những ảnh hưởng xấu đến mùa màng. Lịch nông nghiệp đã hình thành. Dân chúng thời Hùng Vương đã biết về chài lưới (tục vẽ mình), nghề nông (truyện bánh chưng, bánh dày, dưa hấu), nghề luyện kim (truyện Phù Đổng Thiên Vương), và nghề buôn bán (truyện Chử Đồng Tử, An Tiêm).

Về văn hóa thì dưới thời Hùng Vương có những câu chuyện truyền thuyết, thần thoại làm giàu thêm cho văn hóa của Việt Nam. Các thể loại văn học dân gian như thần thoại, truyền thuyết, sử thi ra đời, ghi lại những sự kiện lớn đối với nhân loại từ thời Hùng Vương. Có thể nói, nhiều phong tục, tập quán và thói quen được lập nên dưới thời Hùng Vương: trầu cau, cưới hỏi, bánh giầy bánh chưng, dưa hấu, nỏ ...

Sách Lĩnh nam chích quái của Trần Thế Pháp thế kỷ XIII ghi chép về những chuyện cổ tích và truyền thuyết của nước ta. Trong đó những chuyện Họ Hồng Bàng, Ngư tinh, Hồ tinh, Phù Đổng thiên vương, , Truyện cây cau, Dưa hấu, thần núi tản viên... đã phản ánh về thời các vua Hùng nhưng chủ yếu tập trung giải thích về nguồn gốc dân tộc Việt Nam.

Bên cạnh đó, các nhà khảo cổ học cũng đã phát hiện văn hoá Đông Sơn được phát hiện ở xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa chứng minh đã có nền văn minh của nước ta. Các nhà khảo cổ học cho biết từ 80% hiện vật đồ đá ở giai

đoạn Đồng Đậu, đã giảm xuống còn 13,4% vào giai đoạn Đông Sơn. Việc xuất hiện đồ kim khí, nhất là vũ khí đã chứng minh thời Hùng Vương đã có một đội quân mạnh để ủng hộ việc cai trị của vua Hùng và chống ngoại xâm.

Đặc biệt nhất là trống đồng Đông Sơn. Trống đồng Việt Nam xuất hiện ở nhiều nơi trên đất nước ta, từ Sơn La, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn đến Thanh Hóa, Nghệ An, Đồng Nai, Sông Bé, Khánh Hòa, Vũng Tàu... Ngoài ra, bằng con đường giao lưu văn hóa, trao đổi, trống đồng còn có mặt ở các quốc gia khác ở khu vực Đông Nam Á như Indonesia, Thái Lan, Malaysia... Trống đồng ngoài chức năng là một nhạc khí, còn tượng trưng cho quyền lực của các vị thủ lĩnh ngày xưa.

Bên cạnh đó, chữ Khoa Đẩu là thứ chữ đầu tiên của người Việt cổ đang được nghiên cứu. Đó là một thứ chữ cổ, có hình dáng như những con nòng nọc nên còn gọi là chữ nòng nọc. Đây là thứ chữ đầu tiên của người Việt cổ, được phát hiện trên một số trống đồng và các hiện vật thời Đông Sơn. Tương truyền, chữ Khoa Đẩu bị mất từ sau khi cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại. Tuy nhiên, có chữ viết có nghĩa là phải có quốc gia. Các dân tộc có chữ viết đều có nước của họ.

Do đó, tất cả các bằng chứng trên ta có thể khẳng định là: thời đại Hùng Vương, có thật, và không phải chỉ là truyền thuyết hoang đường.

Như vậy qua các nghiên cứu khảo cổ học, thì truyền thuyết của người Việt đã chứng minh tính thực tế của mình, với những di sản cổ đại tại vùng Đông Đình và Dương Tử, còn được ghi lại trong câu ca dao:

Gió Đông Đình mẹ ru con ngủ
Trăng Tiên Đường ấp ủ năm canh
Tiết trời thu lạnh lạnh lạnh
Cỏ cây khóc hạ hoa cành thương đông
Bống bông bông bống bông bông
Võng đào mẹ bế con Rồng cháu Tiên

Thời đại Hùng Vương là một sự kiện quan trọng trong lịch sử của nước Việt ta vì cái mốc này là thời điểm chuyển tiếp từ xã hội của các bộ lạc nguyên thủy đến một nước Văn Lang thống nhất có vua, tổ chức chính quyền cai trị và phát triển nông nghiệp cùng với kỹ nghệ kim khí tạo ra một nền văn hóa rực rỡ.

Các truyền thuyết xưa của người Việt có thể là phản ánh của những trạng huống của thời điểm lúc đó, nhưng vì kém kiến thức khoa học cho nên người ta đã huyền thoại hóa sự kiện như thần sấm, thiên lôi (sét đánh), cầu vồng... Tuy nhiên những huyền thoại, truyền thuyết này dần dần được các nhà nghiên cứu giải thích theo khoa học ngày nay đã góp phần vào việc bảo tồn văn hóa và tâm linh của người Việt ta.

Các vua Hùng được người Việt Nam tôn làm quốc tổ. Ngày giỗ Tổ Hùng Vương còn gọi là Lễ hội Đền Hùng hoặc là ngày Quốc giỗ là một ngày lễ hội truyền thống của người Việt để tưởng nhớ công lao dựng nước của Hùng Vương. Nghi lễ truyền thống được tổ chức hàng năm vào mùng 10 tháng 3 Âm lịch tại Đền Hùng ở thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và được người Việt Nam trên toàn thế giới tưởng niệm. Ca dao ta có câu:

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng mười tháng ba
Khắp miền truyền mãi câu ca

Nước non vẫn nước non nhà ngàn năm

Các vua Hùng được thờ tự nhiều nhất và có đền thờ trên khắp cả nước. Ngoài ra còn nhiều đền thờ các vị danh nhân thời Hùng Vương trong vùng miền Bắc Việt Nam. Đây là những dấu ấn rất quan trọng, chứng minh tính thực tế của thời kỳ Hùng Vương, không phải ngẫu nhiên mà các danh nhân thời kỳ Hùng Vương lại được thờ tự nhiều tới như vậy.

Theo thống kê, thì trên cả nước có 1.417 di tích thờ các nhân vật thời Hùng Vương, riêng tỉnh Phú Thọ, là nơi đóng đô của triều Hùng Vương, có 345 di tích thờ Hùng Vương và các nhân vật thời Hùng Vương. Trong đó khu di tích Đền Hùng là lớn nhất và có vị trí quan trọng nhất, tương truyền xưa kia đây chính là kinh đô của quốc gia Văn Lang.

Đền Hùng được xây dựng tại núi Nghĩa Lĩnh, đất Phong Châu, ngày nay là xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Đền được bắt đầu xây dựng từ thời vua Đinh Tiên Hoàng, khi dân tộc Việt giành lại được độc lập, sau đó tới thời Hậu Lê được xây dựng hoàn chỉnh như ngày nay.

Một số di tích thờ Vua Hùng và liên quan đến thời đại Hùng Vương ở Việt Nam như: Đền Hùng và Giỗ Tổ Hùng Vương ở Phú Thọ - vùng đất thiêng của dân tộc, Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương trên vùng đất Tây Nam Bộ, Đền Hùng Vương ở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, ở thành phố Hồ Chí Minh; Và những Di tích thờ Vua Hùng và các nhân vật có liên quan thời kỳ Hùng Vương trên đất Nghệ An, Bình Phước, Đồng Nai, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Thái Nguyên,... và những vùng miền khác trên khắp cả nước.

Chính Phủ đã ra Quyết định, ngày 03/ 9/2004 về phê duyệt dự án tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương – Lễ hội Đền Hùng năm 2005, trong đó Giỗ Tổ Hùng Vương được quy định là Quốc lễ.

Ngày 6 / 12 / 2012, ủy ban liên chính phủ Công ước 2003 về bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể (UNESCO) đã chính thức công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ, Việt Nam” là di sản văn hóa của nhân loại.

Nguyễn Hoạt

Tổng hợp

www.vietnamvanhien.org



An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MẠNG VỚI HƠN 11500 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC